

Bản án số: 4909/2024/DS-ST

Ngày: 30/9/2024

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ  
HỒ CHÍ MINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Thúy Nga.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thành Vinh

2. Bà Đặng Thị Thanh Tâm;

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đặng Thị Bình Minh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Võ Cao Hùng- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 9 và ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 909/2022/TLST- DS ngày 26 tháng 10 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 5365/2024/QĐXXST- DS ngày 15 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 6482/2024/QĐST- DS ngày 08 tháng 8 năm 2024 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 7523/2024/QĐST- DS ngày 04 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Q (gọi tắt là Ngân hàng V2);

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà S- A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

Đại diện pháp luật: Ông Hàn Ngọc V, sinh năm: 1965;

Chức danh: Tổng Giám đốc;

Đại diện ủy quyền:

1/ Ông Nguyễn Khánh H;

Chức vụ: Giám đốc xử lý nợ hỗn hợp M- Trung tâm Quản lý nợ Ngân hàng B1- Khối Quản lý rủi ro Ngân hàng B1- Ngân hàng Thương mại cổ phần Q;

Địa chỉ: Tầng A (tầng trệt) và tầng 2, tòa nhà S- A P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh;

(theo Giấy ủy quyền số 064323.24 ngày 01/4/2024);

2/ Ông Điều D;

Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q;

3/ Ông Bùi Ngọc A;

Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q;

4/ Ông Trần Kiến H1;

Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q;

5/ Nguyễn Lý Khánh D1;

Chức vụ: Cán bộ Ngân hàng TMCP Q;

Cùng địa chỉ liên hệ: Tầng F, tòa nhà P U, phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh;

(theo Giấy ủy quyền số 121265.24 ngày 20/6/2024);

(ông Bùi Ngọc A có mặt tại phiên tòa);

2. Bị đơn: Anh Lê Sỹ V1, sinh năm: 1981;

Địa chỉ: 6 đường số E, khu phố D, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh; (vắng mặt tại phiên tòa);

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại Đơn khởi kiện đề ngày 21/6/2022; Bản tự khai ngày 13/02/2023 và trong quá trình tố tụng, ông Bùi Ngọc A là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn Ngân hàng V2 trình bày như sau:*

Ngân hàng TMCP Q (gọi tắt là Ngân hàng V2)- Chi nhánh G- Phòng Giao dịch Huỳnh Thúc K ký với bị đơn ông Lê Sỹ V1 Hợp đồng tín dụng số 7388645.19 ngày 18/10/2019 với nội dung Ngân hàng V2 cho khách hàng Lê Sỹ V1 vay số tiền 489.000.000 đồng, mục đích vay vốn vay mua 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA, số loại CERATO, biển số: 51G- 991.14, mục đích sử dụng: tiêu dùng. Thời hạn vay: 84 tháng, từ ngày 19/10/2019 đến ngày 18/10/2026, lãi suất tại thời điểm giải ngân 9,9%/năm. Lãi suất này là lãi suất ưu đãi (so với lãi suất thông thường là lãi suất cơ sở theo sản phẩm trong kỳ + biên độ 3,5%) và chỉ được áp dụng trong 12 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân khoản vay. Hết thời hạn ưu đãi nói trên, lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo sản phẩm theo quy định của Ngân hàng V2 tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4,1%/năm; hoàn trả khoản vay gốc hàng tháng vào ngày 18, mỗi tháng trả 5,820,000 đồng, tháng cuối cùng trả 5,940,000 đồng). Trả lãi hàng tháng vào ngày 18, kỳ trả nợ đầu tiên vào ngày 18/11/2019. Trả phí: theo quy định của Ngân hàng V2 từng thời kỳ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn.

Ngân hàng V2 đã giải ngân cho ông Lê Sỹ V1 theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 7388645(1).19 ngày 18/10/2019 với số tiền 489.000.000đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng nêu trên.

Ngày 24/3/2020, Ngân hàng V2- Chi nhánh S và ông Lê Sỹ V1 có ký Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 24/3/2020, hạn mức đề xuất thẻ: 70,000,000 đồng, lãi suất, phí: theo Biểu phí và Điều khoản điều kiện V2. Trong quá trình sử dụng, Ngân hàng V2 cấp cho ông V1 02 thẻ tín dụng (thẻ Rewards Unlimited, số thẻ 5268870034567890, hạn mức 15.000.000 đồng và thẻ Fiancial Free, số thẻ 5136902234567890, hạn mức 21.000.000 đồng), 02 thẻ tín dụng hạn mức là 36.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Lê Sỹ V1 vi phạm nghĩa vụ thanh toán nợ gốc và lãi phát sinh. Vì vậy, Ngân hàng V2 đã chuyển khoản vay thành khoản nợ quá hạn từ ngày 18/12/2020. Tạm tính đến ngày 23/03/2021, ông Lê Sỹ V1 đã thanh toán cho Ngân hàng V2 cụ thể như sau:

- Đối với Hợp đồng tín dụng số 7388645.19 ngày 18/10/2019, ông V1 đã thanh toán số tiền là 125.678.918 đồng (cụ thể nợ gốc: 75.660.000 đồng, nợ lãi: 50.018.918 đồng).

- Đối với thẻ Rewards Unlimited, số thẻ 5268870034567890, ông V1 đã thanh toán số tiền 5.061.404 đồng (cụ thể nợ gốc: 1.322.407 đồng, nợ lãi: 2.131.881 đồng, phí chậm trả: 1.607.116 đồng);

- Đối với thẻ Fiancial Free, số thẻ 5136902234567890, ông V1 đã thanh toán số tiền 11.776.820 đồng (cụ thể nợ gốc: 1.559.627 đồng, nợ lãi 3.937.194 đồng, phí chậm trả: 6.279.999 đồng);

Đối với tài sản bảo đảm xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO 1.6AT LUXURY, số lo ại CERATO 2.6AT, số má y: G4FGKH736791; số khung: RNYBC41A6KC166917; loại xe: 05 chỗ ngồi, biển số: 51G- 991.14 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 6786500.19 ngày 18/10/2019 thì Ngân hàng V2 không yêu cầu Tòa án xử lý tài sản thế chấp, do không có nhu cầu. Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện tại Đơn khởi kiện;

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án:

1. Buộc ông Lê Sỹ V1 trả ngay cho Ngân hàng V2 số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 là 736.598.530 đồng, trong đó: nợ gốc là 413.340.000 đồng; lãi trong hạn 4.153.821 đồng và nợ lãi quá hạn là 319.104.708 đồng (theo Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7388645.19 ngày 18/10/2019). Buộc ông Lê Sỹ V1 trả ngay cho Ngân hàng V2 số tiền tạm tính đến ngày 30/9/2024 của thẻ Rewards Unlimited, số thẻ 5268870034567890 số tiền là 75.316.175 đồng (cụ thể, nợ gốc: 12.834.593 đồng, nợ lãi quá hạn: 9.557.982 đồng, phí chưa thanh toán: 52.923.600 đồng và thẻ Fiancial Free, số thẻ 5136902234567890 số tiền là 123.641.866 đồng (cụ thể, nợ gốc: 20.528.479 đồng, nợ lãi quá hạn: 14.324.620 đồng, phí chưa thanh toán: 88.788.767 đồng) theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 24/3/2020 được ký giữa Ngân hàng V2 với ông Lê Sỹ V1;

2. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi ông Lê Sỹ V1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký;

Ngoài ra, nguyên đơn không có yêu cầu gì khác;

Bị đơn là ông Lê Sỹ V1 vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

- Ông Bùi Ngọc A là người đại diện ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như đã nêu trong Đơn khởi kiện, B tự khai và Biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Biên bản ghi nhận ý kiến của các đương sự ngày 08/7/2024.

- Bị đơn là ông Lê Sỹ V1 vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia phiên tòa nhưng ông V1 vắng mặt không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của pháp luật; tuy nhiên, còn vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ Đơn khởi kiện của nguyên đơn, có cơ sở xác định đây là Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản. Do bị đơn ông Lê Sỹ V1 có địa chỉ cư trú số F đường số E, khu phố D, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Sỹ V1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông Lê Sỹ V1;

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Đối với Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7388645.19 ngày 18/10/2019 được ký giữa Ngân hàng V2 và ông Lê Sỹ V1:

[3.1.1] Ngân hàng V2 yêu cầu đòi nợ trước hạn và yêu cầu bị đơn ông Lê Sỹ V1 thanh toán số tiền vốn vay là 413.340.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số: 7388645.19 ngày 18/10/2019 (đính kèm là Phụ lục 1) và Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số: 7388645 (1).19 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, có cơ sở xác định Ngân hàng V2 đã cho bị đơn Lê Sỹ V1 vay số tiền 489.000.000

đồng với mục đích thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO 1.6AT LUXURY, số loại CERATO 2.6AT;

Sau khi nhận nợ để mua xe ô tô đến nay, bị đơn ông Lê Sỹ V1 chỉ thanh toán cho Ngân hàng được 125.678.918đồng (gốc 75.660.000đồng, lãi: 50.018.918đồng). Theo quy định tại khoản 1.4 Điều 1 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng (đính kèm Hợp đồng tín dụng), bị đơn ông Lê Sỹ V1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán mặc dù Ngân hàng đã nhắc nhở nhiều lần và tạo điều kiện cho ông V1 trả nợ. Việc vi phạm nghĩa vụ thanh toán của ông V1 trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Ngân hàng. Hiện nay, Ngân hàng không liên hệ được với ông V1 và không kiểm soát được chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp.

Căn cứ và kết quả xác minh ngày 23/3/2023 của Công an phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh: NK Lê Sỹ V1, SN 1981 có H đường số E, khu phố D, phường B, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh nhưng không có thực tế cư trú tại địa phương, đi đâu không rõ;

Ngân hàng V2 yêu cầu đòi nợ trước hạn đối với bị đơn ông Lê Sỹ V1 thanh toán ngay nợ gốc số tiền 413.340.000 đồng là phù hợp với quy định tại khoản 1.4 Điều 1 của Điều khoản và điều kiện cấp tín dụng về thu hồi trước hạn các khoản phải trả.

[3.1.2] Ngân hàng V2 yêu cầu bị đơn ông Lê Sỹ V1 thanh toán nợ lãi tạm tính đến ngày 30/9/2024, cụ thể là lãi trong hạn 4.153.821đồng và nợ lãi quá hạn là 319.104708đồng, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi nhận nợ vay đến nay, bị đơn ông Lê Sỹ V1 chỉ thanh toán cho Ngân hàng V2 với số tiền lãi 50.018.918đồng. Các bên đã thỏa thuận về việc chuyển nợ quá hạn, lãi suất quá hạn tại điểm g khoản 1.4 Điều 1 của Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số: 7388645.19 ngày 18/10/2019 (đính kèm là Phụ lục 1) và Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số: 7388645 (1).19, bị đơn ông Lê Sỹ V1 không thanh toán tiền nợ gốc, lãi suất theo thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trong hợp đồng. Xét thấy, thời gian tính lãi, mức lãi suất mà ngân hàng đã áp dụng là phù hợp với thỏa thuận của các bên được quy định tại Hợp đồng tín dụng cho vay ô tô số: 7388645.19 ngày 18/10/2019 (đính kèm là Phụ lục 1) và Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số: 7388645 (1).19 và phù hợp với quy định của pháp luật theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT- NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Hội đồng xét xử buộc ông Lê Sỹ V1 thanh toán nợ lãi trong hạn số tiền 4.153.821 đồng và nợ lãi quá hạn số tiền 319.153.821 đồng cho Ngân hàng V2;

[3.2] Đối với Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kèm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 24/3/2020 được ký giữa Ngân hàng V2 với ông Lê Sỹ V1:

[3.2.1] Ngân hàng V2 yêu cầu bị đơn ông Lê Sỹ V1 thanh toán thẻ Rewards Unlimited, số thẻ 5268870034567890 nợ gốc 12.834.593 đồng và thẻ Fiancial Free, số thẻ 5136902234567890 nợ gốc 20.528.479 đồng;

Xét thấy, Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 24/3/2020 được các bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, nội dung phù hợp theo quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội; vì vậy, hợp đồng này có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ vào Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 24/3/2020 thì ông Lê Sỹ V1 có nghĩa vụ thanh toán số tiền vay, lãi hàng tháng và các khoản khác theo thỏa thuận trong hợp đồng nhưng kể từ ngày 24/3/2021 ông V1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán số dư nợ của tổng số tiền của hai khoản là 198.958.041 đồng, trong đó gồm:

- Thẻ Rewards U, số thẻ 5268870034567890 số tiền là 75.316.175 đồng (cụ thể, nợ gốc: 12.834.593 đồng, nợ lãi quá hạn 9.557.982 đồng, phí chưa thanh toán 52.923.600 đồng);

- Thẻ Fiancial F, số thẻ 5136902234567890 số tiền là 123.641.866 đồng (cụ thể, nợ gốc: 20.528.479 đồng, nợ lãi quá hạn: 14.324.620 đồng, phí chưa thanh toán: 88.788.767 đồng);

Xét thấy, ông Lê Sỹ V1 đã không thanh toán đầy đủ và đúng hạn nợ, lãi phát sinh theo thỏa thuận là đã vi phạm hợp đồng, xâm phạm đến quyền và lợi ích của nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng đối với ông Lê Sỹ V1 là có cơ sở chấp nhận.

*[3.2.2.] Xét về yêu cầu tính lãi suất, phí chậm thanh toán:*

Đối với Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 24/3/2020, đại diện ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu ông V1 thanh toán cụ thể như sau:

- thẻ Rewards Unlimited, số thẻ 5268870034567890: nợ lãi quá hạn 9.557.982 đồng, phí chưa thanh toán 52.923.600 đồng;

- thẻ Fiancial Free, số thẻ 5136902234567890: nợ lãi quá hạn: 14.324.620 đồng, phí chưa thanh toán: 88.788.767 đồng;

Xét, khi ký kết hợp đồng tín dụng, nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi phạt quá hạn và lãi suất 39,48%/năm (tức là 3.29%/tháng), việc thỏa thuận lãi suất này và các loại phí nêu trên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Nguyên đơn áp dụng lãi suất và thời gian tính lãi đúng quy định của hợp đồng tín dụng và phù hợp với quy định tại Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 7, Điều 8, Điều 12 của Nghị quyết 01/2019/NQ- HĐTP ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở chấp nhận.

[3.3] Ngân hàng V2 không yêu cầu Hội đồng xét xử phát mãi tài sản thế chấp, yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi ông Lê Sỹ V1 thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ đã ký;

Căn cứ vào o Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 6786500.19 ngày 31/10/2017 giữa Ngân hàng V2- Chi nhánh G- Phòng G1 với tài sản thế chấp là xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO 1.6AT LUXURY, số loại CERATO 2.6AT, số máy: G4FGKH736791; số khung: RNYBC41A6KC166917; loại xe: 05 chỗ ngồi, biển số: 51G- 991.14; chủ tài sản là ông Lê Sỹ V1. Căn cứ vào Đơn khởi kiện ngày 21/6/2022, Biên bản hòa giải ngày 08/7/2024 và Biên bản ghi nhận ý kiến của các đương sự ngày 08/7/2024, nguyên đơn Ngân hàng V2 không yêu cầu Tòa án phát mãi đối với tài sản thế chấp của bị đơn ông Lê Sỹ V1 là chiếc xe ô tô nêu trên;

Căn cứ tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 quy định về Quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự:

*“1. Đương sự có quyền quyết định khởi kiện, yêu cầu Tòa án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Tòa án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó.”.*

Nguyên đơn không yêu cầu khởi kiện và tại phiên tòa đại diện ủy quyền cho nguyên đơn là ông Bùi Ngọc A không yêu cầu Hội đồng xét xử phát mãi đối với tài sản thế chấp ô tô xe ô tô nhãn hiệu KIA CERATO 1.6AT LUXURY, số loại CERATO 2.6AT, số máy: G4FGKH736791; số khung: RNYBC41A6KC166917; loại xe: 05 chỗ ngồi, biển số: 51G-991.14 theo Hợp đồng thế chấp phương tiện vận tải số: 6786500.19; chủ tài sản là ông Lê Sỹ V1 nên Hội đồng xét xử không xem xét;

Từ những nhận định trên và căn cứ vào lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng V2, buộc ông Lê Sỹ V1 thanh toán số tiền nợ gốc, lãi trong hạn, lãi quá hạn và phí chậm thanh toán tạm tính đến ngày 30/9/2024, tổng cộng số tiền là 935.556.571 đồng;

Ngoài ra, bị đơn ông Lê Sỹ V1 phải thanh toán cho ngân hàng tiền lãi phát sinh theo quy định tại Hợp đồng đã ký kể từ ngày 01/10/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ phù hợp với yêu cầu của Ngân hàng.

[4] Về án phí DSST: Bị đơn ông Lê Sỹ V1 phải chịu số tiền 40.066.697 đồng; hoàn lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp;

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227; Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 278, 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng;

Căn cứ vào o Điều 7, Điều 8, Điều 12 của Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/9/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy

định hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ và o khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Tuyên xử:

**1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Q;**

Buộc bị đơn ông Lê Sỹ V1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền 935.556.571 (Chín trăm ba mươi lăm triệu, năm trăm năm mươi sáu ngàn, năm trăm bảy mươi một) đồng, cụ thể:

- Số tiền: 736.598.530 đồng, trong đó: nợ gốc là 413.340.000 đồng; lãi trong hạn 4.153.821 đồng và nợ lãi quá hạn là 319.104.708 đồng (theo Hợp đồng tín dụng (mua ô tô tiêu dùng) số 7388645.19 ngày 18/10/2019;

- Số tiền 198.958.059 đồng, trong đó: dư nợ gốc: 33.363.090 đồng, nợ lãi quá hạn: 23.882.602 đồng và phí chậm thanh toán: 141.712.367 đồng (theo Đề nghị phát hành thẻ tín dụng quốc tế kiêm Hợp đồng mở và sử dụng tài khoản ngày 24/3/2020);

Phương thức và thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của ngân hàng cho vay.

**2. Về án phí:**

- Bị đơn ông Lê Sỹ V1 chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền 40.066.697 (Bốn mươi triệu, không trăm sáu mươi sáu ngàn, sáu trăm chín mươi bảy) đồng.

- H2 lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Q số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 11.389.147 (Mười một triệu, ba trăm tám mươi chín ngàn, một trăm bốn mươi bảy) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022/0006359 ngày 19/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

**3. Về quyền kháng cáo:** Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.



Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***

- TAND TP.HCM;
- VKSND TP. Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP. Thủ Đức;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Vũ Thị Thúy Nga**





